

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thanh K**, sinh năm 1995.

Đăng ký HKTT: P202, tòa A8, tập thể quân đội, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Số 47, ngõ 131, phố T, Phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Hà Ngọc Quý N**, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thanh K trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Ngọc Quý N có đăng ký kết hôn ngày

13/12/2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, việc kết hôn giữa anh chị trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, có nhiều bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do kinh tế anh N không ổn định, kinh doanh thua lỗ. Thời gian gần đây anh N hành hạ chị về tinh thần cũng như thể xác làm ảnh hưởng đến kinh tế thu nhập của chị. Chị và anh N không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc ảnh hưởng đến con chung và gia đình hai bên nội ngoại. Chị và anh N sống ly thân từ ngày 01/7/2024 đến nay, việc ai người đó làm, không quan tâm đến nhau. Anh, chị xác định tình cảm không còn, cuộc sống không hạnh phúc, không thể đoàn tụ được nên đã làm đơn công nhận thuận tình ly hôn nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình nhưng sau 01 tuần anh N thay đổi không đồng ý ly hôn. Nay chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Hà Ngọc Hồng A, sinh ngày 02/8/2023. Hiện nay con A đang sống cùng chị. Con còn nhỏ nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Ngọc Hồng A sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không nợ chung, không cho ai vay chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Ngọc Quý N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh N.

Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025 tại Công an xã Đông Hoà, thành phố Thái Bình có nội dung:

Về tình trạng cư trú của anh Hà Ngọc Quý N, sinh năm 1991, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025 tại UBND xã Đông H, thành phố Th có nội dung:

Đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh Hà Ngọc Quý N, sinh năm 1991 và chị Đoàn Thị K, sinh năm 1995 có đăng ký kết hôn tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh N và chị K không sinh sống tại địa phương mà chuyển đi nơi khác làm ăn nên địa phương không nắm được mâu thuẫn cụ thể. Nay chị K làm đơn xin ly hôn anh N, quan điểm địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh N, chị K làm ăn nơi khác nhưng vẫn thường xuyên về địa phương thăm bố mẹ. Thời gian gần đây chỉ thấy anh N về nhà bố mẹ đẻ. Về con chung: Anh N, chị K có 01 con chung là Hà Ngọc Hồng A, sinh năm 2023. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nay Tòa án xuống địa phương làm việc để trực tiếp gặp anh Nhân và bố mẹ anh Nhân tại thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên anh N và bố mẹ anh N từ chối làm việc với Tòa án và không đồng ý nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Đoàn Thị K được ly hôn anh Hà Ngọc Quý N. Về nuôi con chung, áp dụng các Điều 51, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn Nhân và Gia đình, giao con Hà Ngọc Hồng Â, sinh ngày 02/8/2023 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh Nhân phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị Đoàn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị K khởi kiện xin ly hôn anh Hà Ngọc Quý N, anh N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Đoàn Thị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hà Ngọc Quý N đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị K và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh N đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2019 tại UBND xã Đ, thành phố Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định chủ yếu do bất đồng quan điểm về công việc của vợ chồng, dẫn tới nhưng mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống chung. Do mâu thuẫn chị K, anh N sống ly thân từ ngày 01/7/2024, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Đoàn Thị K được ly hôn với Hà Ngọc Quý N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị K và anh N có 01 con chung là Hà Ngọc Hồng Â, sinh ngày 02/8/2023. Hiện nay con Ân đang sống cùng chị Khương. Do con còn nhỏ, chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Căn cứ vào điều kiện thực tế và nguyện vọng của chị K, cần giao con

chung Hà Ngọc Hồng Â cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Đoàn Thị K khai vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay, không đề nghị Toà án giải quyết. Anh Hà Ngọc Quý N không có lời khai về tài sản chung, nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị K, anh Hà Ngọc Quý N được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị K được ly hôn với anh Hà Ngọc Quý N.

2. Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị K, anh Hà Ngọc Quý N có 01 con chung là Hà Ngọc Hồng Ân, sinh ngày 02/8/2023.

Xử giao cho chị Đoàn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Ngọc Hồng Ân, sinh ngày 02/8/2023 sau khi ly hôn. Anh Hà Ngọc Quý N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đoàn Thị K.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị K, anh N có yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh Hà Ngọc Quý N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000845 ngày 04/02/2025 sang thi hành án phí. Chị K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị K, anh Hà Ngọc Quý N vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND xã Đông Hoà ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Anh Tuấn